**TUẦN 20**

**TIẾNG VIỆT**

**CHU ĐIỂM: ĐẤT NƯỚC**

**BÀI ĐỌC 3: CHỢ NỔI CÀ MAU( TIẾT 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh

học sinh dễ viết sai do ảnh hưởng của âm địa phương : chợ nổi, lúc bình minh lên, sóng nước, cầm lòng,... Ngắt nghỉ hơi đúng.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: chợ nổi, ghe, miệt vườn, xanh riết,

khóm,...

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc: Nói về những nét sinh động, độc đáo của chợ nổi Cà Mau và tình cảm của tác giả đối với vùng quê Nam bộ.

- Nhận biết và sử dụng được phép so sánh sự vật với sự vật (so sánh vật và âm

thanh), với cấu trúc so sánh có 3 yếu tố: sự vật 1 – từ so sánh – sự vật 2.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được nghệ thuật sử dụng từ láy, từ chỉ màu sắc trong tả cảnh sinh hoạt của tác giả; cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu đối với vùng quê Nam bộ của tác giả.

**2. Năng lực chung.**

- NL giao tiếp và hợp tác (cùng các bạn thảo luận nhóm).

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (phân tích, cảm nhận các chi tiết tả cảnh sinh hoạt, nghệ thuật sử dụng các từ láy, các từ chỉ màu sắc trong bài).

**3. Phẩm chất.**

- PC yêu nước, nhân ái (tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học ở bài đọc trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV dùng video cho HS quan sát và tìm hiểu về chợ nổi Cà mau.  + GV cùng HS trao đổi về một số hoạt động trên chợ nổi.  + Nhận xét dẫn dắt vào bài | - HS quan video.  + HS Cùng trao đổi vơi GV về những gì em em qua quan sát video.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.*  **-** Mục tiêu:  + Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh  học sinh dễ viết sai do ảnh hưởng của âm địa phương: chợ nổi, lúc bình minh lên, sóng nước, cầm lòng,... . Ngắt nghỉ hơi đúng.  + Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài: chợ nổi, ghe, miệt vườn, xanh riết,  khóm,...  + Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc: Nói về những nét sinh động, độc đáo của chợ nổi Cà Mau và tình cảm của tác giả đối với vùng quê Nam bộ.  **-** Cách tiến hành: | |
| **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu: giọng đọc truyền cảm, vui tươi thể hiện sự thích thú trước vẻ đẹp sinh động, khác lạ của chợ nổi vùng sông nước Cà Mau.  - GV HD đọc: Đọc diễn cảm toàn bài. Giọng thong thả, tình cảm. Nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: (3 đoạn)  + Đoạn 1: Từ đầu đến *tinh tươm*.  + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *tím của cà;..*.  + Đoạn 3: Còn lại.  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - Luyện đọc từ khó: *chợ nổi, lúc bình minh lên, sóng nước, cầm lòng.*  - Luyện đọc câu:  *+ Chủ ghe / tất bật bày biện hàng hoá gọn ghẽ, / tươi tắn / và tinh tươm.//*  *+ Giữa chợ nổi Cà Mau, / ngập tràn hồn tôi cái cảm giác như gặp được những khu vườn, / rẫy khóm, / rẫy mía miên man dọc triền sông Trẹm quê mình.//*  - GV kết hợp cho HS giải nghĩa từ  *-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu.**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Chợ nổi Cà Mau họp vào lúc nào, ở đâu?  + Câu 2: Chợ nổi có gì khác lạ so với chợ trên đất liền?  + Câu 3: Tìm những hình ảnh diễn tả cảnh sinh hoạt tấp nập ở chợ nổi?  + Câu 4: Chợ nổi gợi cho tác giả cảm giác gì?  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV Chốt: ***Bài đọc nói về những nét sinh động, độc đáo của chợ nổi Cà Mau và tình cảm của tác giả đối với vùng quê Nam bộ.*** | - Hs lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS đọc từ ngữ:  + Chợ nổi: chợ họp trên sông, hàng hóa bày bán trên thuyền.  + Ghe: thuyền gỗ có mui.  + Miệt vườn: vùng đất phù sa trồng cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long.  + Khóm: dứa.  + Xanh riết: xanh đậm.  - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Chợ nổi Cà Mau họp lúc bình minh lên; chợ họp trên sông.  + Chợ họp trên mặt sông; hàng trăm chiếc ghe to nhỏ đậu sát với nhau thành chợ; chợ chỉ tập trung bán buôn rau, trái miệt vườn; người bán treo hàng hoá vào nhánh cây, buộc ở đầu ghe để mọi người biết ghe mình bán gì.  + Hàng trăm chiếc ghe to, nhỏ đậu sát vào nhau thành một dãy dài; người bán người mua trùng trình trên sóng nước; chủ ghe tất bật bày biện hàng hoá; rất nhiều rau trái sắc màu tươi tắn được bày bán: chôm chôm đỏ au; khóm, xoài vàng ươm; cóc, ổi xanh riết; cà tím;...  + Cảm giác như đang đứng giữa những khu vườn, những rẫy khóm, rẫy mía miên man dọc triền sông Trẹm quê mình  - 1-2 HS nêu nội dung bài theo hiểu biết.  - HS đọc lại nội dung bài. |
| **3. Hoạt động luyện tập**  - Mục tiêu:  + Nhận biết và sử dụng được phép so sánh sự vật với sự vật (so sánh vật và âm  thanh), với cấu trúc so sánh có 3 yếu tố: sự vật 1 – từ so sánh – sự vật 2.  + Phát triển năng lực văn học: Cảm nhận được nghệ thuật sử dụng từ láy, từ chỉ màu sắc trong tả cảnh sinh hoạt của tác giả; cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu đối với vùng quê Nam bộ của tác giả.  - Cách tiến hành: | |
| ***1. Tác giả đã so sánh những nhánh cây treo rau, trái trên thuyền với sự vật nào?***  ***A1..jpg***  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV gợi ý giúp HS nắm vững yêu cầu đề bài; hướng dẫn HS làm bài:  - GV giao nhiệm vụ làm việc nhóm 2  - GV mời đại diện nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  ***2.* Tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để diễn tả sự phong phú, hấp dẫn của rau, trái được bày bán ở chợ nổi?**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV gợi ý để HS nắm vững yêu cầu của BT: Tìm các từ ngữ diễn tả sự phong phú, hấp dẫn của rau, trái được bày bán ở chợ nổi Cà Mau.  - GV mời nhóm trình bày.  - GV tổ chức cho HS nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương, | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  +Thảo luận nhóm đôi, sau đó hoàn thiện bảng so sánh trong VBT:  - Đại diện nhóm trình bày:  “Những nhánh cây treo rau, trái (sự vật 1) được so sánh với “tiếng chào mời không lời” (sự vật 2).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 | | Những nhánh cây treo rau, trái | là | tiếng chào mời không lời |   - Đại diện các nhóm nhận xét.  - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS thảo luận nhóm (4 – 5 HS) – ghi kết quả vào VBT.  – HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Một số HS trình bày theo kết quả của mình:  hàng hoa tươi tắn, gọn ghẽ, tinh tươm, màu đỏ au (chôm chôm), vàng ươm (khóm, xoài), xanh riết (cóc, ổi), tim (cà)...; như gặp được những khu vườn, những  - Các nhóm nhận xét. |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  + GV nêu câu hỏi: chợ quê em thường bày bán những loại rau, trái gì?  + Em có cảm nhận gì về chợ ở quê em?  - Nhắc nhở các em cần nghiêm túc trong các hoạt động tập thể. Biết giữ trật tự, lắng nghe, không ồn ào gây rối,...  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Trả lời các câu hỏi.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ..................................................................................................................................  ..................................................................................................................................  .................................................................................................................................. | |

**-------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT**

**CHÍNH TẢ**

**Nhớ – Viết: TRÊN HỒ BA BỂ (TIẾT 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

− Nhớ và viết lại chính xác hai khổ thơ đầu bài thơ Trên hồ Ba Bể. Biết trình bày bài viết thể loại thơ 7 chữ.

- Viết đúng các tiếng bắt đầu với 1/ n hoặc có chữ c / t đứng cuối thông qua các

bài tập tìm chữ phù hợp với chỗ trống và tìm tiếng theo yêu cầu.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ, câu văn trong các bài tập chính tả.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Nhớ, viết và hoàn thành các bài tập trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: làm được các BT chính tả âm vần.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, chia sẻ ý kiến

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Góp phần bồi dưỡng tình cảm yêu thiên nhiên, ý thức chăm chỉ lao động.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV mời HS xem 1 clip về hồ Ba Bể  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS xem clip  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khám phá***.*  - Mục tiêu:  + − Nhớ và viết lại chính xác hai khổ thơ đầu bài thơ Trên hồ Ba Bể. Biết trình bày bài viết thể loại thơ 7 chữ.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Nhớ - Viết. (làm việc cá nhân)**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị:  – GV nêu nhiệm vụ và đọc mẫu hai khổ thơ đầu của bài thơ Trên hồ Ba Bể.  – GV mời 1 HS đọc thuộc lòng 2 khổ thơ, cả lớp đọc thầm theo để ghi nhớ.  - GV cho HS nói lại cách trình bày bài thơ 7 chữ: Bài chính tả có 2 khổ thơ. Mỗi khổ 4 dòng. Mỗi dòng có 7 tiếng. Giữa các khổ thơ để trống 1 dòng. Tên bài thơ, chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa, lùi vào 1 ô so với lề vở.  - HS đọc lại 1 lần 2 khổ thơ trong SGK để ghi nhớ.  – HS gấp SGK, nhớ lại 2 khổ thơ và viết bài.  - GV kiểm tra bài viết của HS và chữa nhanh một số bài.  - GV nhận xét chung.  **2.2. Hoạt động 2: Tìm đường**  **(làm việc nhóm 2).**  **a2.jpg**  - GV mời HS nêu yêu cầu.  – GV hướng dẫn cách làm BT:  + Điền chữ n hoặc l vào ô trống để hoàn thành các tiếng.  + Giúp rùa con tìm đường về hang: Đường đi đúng được đánh dấu bằng các tiếng bắt đầu với chữ l. Đi theo các tiếng bắt đầu bằng 1, rùa sẽ về được hang.  - GV chiếu slide) có đề bài tập (2a);  - Cả lớp và GV nhận xét, thống nhất kết quả  - GV cho HS đọc lại các từ. Cả lớp sửa bài (nếu làm chưa đúng).  - GV nhận xét, tuyên dương.  **2.3. Hoạt động 3: Làm bài tập a hoặc b. (làm việc nhóm 4)**  GV cho HS làm bài tập chính tả phù hợp với vùng miền:  *3a: Tìm các tiếng bắt đầu bằng 1 hoặc n, có nghĩa cho trước.*  - GV mời HS nêu yêu cầu.  - GV hướng dẫn: dựa vào nghĩa để tìm tiếng, chọn những tiếng có đặc điểm chính tả phù hợp.  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Gv cùng cả lớp chốt đáp án  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - HS lắng nghe.  - HS nhẩm lại nếu chưa nhớ chính xác có thể mở sách đọc lại.  - HS nêu cách trình bày khổ thơ 7 chữ  -1 HS đọc  - HS viết các khổ thơ vào vở.  - HS đổi vở sửa bài cho nhau.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Các nhóm sinh hoạt và làm việc theo yêu cầu.  - HS điền chữ còn thiếu vào vở BT giúp rùa tìm đường về hang  - Một số nhóm trình bày kết quả.  - Kết quả trình bày:  lo lắng, nảo động, giếng nước, cây nẩm, no nề, đồng lúa, lội suối, khoai lang, nông dân,  - Cả lớp đọc lại các từ đã điền đúng. Đường về hang đi qua các từ: lo lắng, đồng lúa, lội suối, khoai lang.  -2 HS đọc  - 1 HS đọc BT 3a. Cả lớp đọc thầm theo.  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm trình bày  Đáp án: lỏng, nón, nồi. |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| GV hướng dẫn HS hoàn thành phần b bài tập 2,3 SGK bằng hình thức trò chơi.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | | - HS lắng nghe để thực hiện. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ..................................................................................................................................  ..................................................................................................................................  .................................................................................................................................. | | |

**-----------------------------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT: LUYỆN NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BẢO**

**( TIẾT 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Kể lại (hoặc đọc lại) được một câu chuyện (hay bài thơ, bài văn) đã đọc về cảnh đẹp quê hương, đất nước.

– Biết trao đổi với các bạn; lắng nghe bạn nói và đáp lại phù hợp về nội dung câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc, về nhân vật (hình ảnh, chi tiết) trong câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó.

1.2**-** Phát triển năng lực văn học

- Làm giàu vốn truyện, thơ, văn có nội dung về cảnh đẹp của đất nước. Biết bày tỏ cảm xúc về câu chuyện (bài thơ, bài văn); tập nói có hình ảnh.

**2. Năng lực chung**

+ NL giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; biết nhìn vào người nghe khi nói

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: rút ra ý nghĩa của câu chuyện và bài học cho bản thân.

**3. Phẩm chất**

- Góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + GV nhận xét, tuyên dương.  - GV: Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) mà các em đã đọc ở nhà về cảnh đẹp quê hương, đất nước ta. Sau đó, chúng ta sẽ trao đổi về câu chuyện hay bài thơ, bài văn đó. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.*  **-** Mục tiêu:  + Kể lại (hoặc đọc lại) được một câu chuyện (hay bài thơ, bài văn) đã đọc về cảnh đẹp quê hương, đất nước.  + Biết trao đổi với các bạn; lắng nghe bạn nói và đáp lại phù hợp về nội dung câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc, về nhân vật (hình ảnh, chi tiết) trong câu chuyện ( bài thơ, bài văn) đó.  **-** Cách tiến hành: | |
| **2.1. Hoạt động 1: Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn)**  **+ *Giới thiệu câu chuyện (nội dung bài thơ, bài văn) sẽ kể (đọc).***  - GV mời một số HS cho biết các em sẽ kể chuyện gì (đọc bài thơ, bài văn gì), chuyện (bài) đó nói về cảnh đẹp nào.  - GV chiếu tranh, giới thiệu bài đọc mẫu trong SGK: Vẽ quê hương.  + ***Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) và trao đổi trong nhóm***  GV theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi; khuyến khích các em trao đổi về nhân vật trong câu chuyện, về cảm xúc trước cảnh đẹp trong câu chuyện (bài thơ, bài văn).  ***+ Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) và trao đổi trước lớp***  - GV mời một số HS kể (đọc) trước lớp. Lưu ý để nội dung trình bày của HS có cả truyện, thơ (hoặc văn bản thông tin, văn bản miêu tả)  **2. 2. Hoạt động 2. Trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện *(bài thơ, bài văn)***  GV dựa vào câu hỏi gợi ý trong SGK để hướng dẫn HS trao đổi:  Gợi ý:  + Em thích nhân vật (hoặc chi tiết, hình ảnh) nào trong câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó? Vì sao?  + Câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó nói lên điều gì?  - GV nhận xét, bổ sung( nếu có)  - GV nhận xét về kết quả thực hiện BT 1, BT 2 của cả lớp. Bình chọn 2 giải thưởng: nhóm kể / đọc hay nhất và nhóm có ý kiến trao đổi hay nhất. Biểu dương và có phần thưởng phù hợp. | - HS nghe  - Hs nêu  - HS quan sát  - HS làm việc theo nhóm đôi.  - Những HS chưa chuẩn bị được câu chuyện (bài thơ, bài văn) để kể (đọc) có thể tự đọc bài thơ Vẽ quê hương.  - Đại diện các nhóm trình bày bài kể chuyện hoặc bài thơ / văn,  − Nhóm còn lại nhận xét  Trong khi trình bày, HS được phép nhìn sách nếu có chi tiết HS chưa ghi nhớ.  - 1 HS đọc BT 2 trong SGK.  - Hs thảo luận Nhóm 2  - Hs nêu ý kiến  - Nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  - GV cho Hs xem một câu chuyện kể của học sinh nơi khác để chia sẻ với học sinh.  - GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong câu chuyện  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy.- Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS quan sát video.  - HS cùng trao đổi về câu chuyện được xem.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ..................................................................................................................................  ..................................................................................................................................  ..................................................................................................................................  .................................................................................................................................. | |

**-----------------------------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI ĐỌC 4: SỰ TÍCH THÀNH CỔ LOA**

**(TIẾT 5+6)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ ngữ chứa âm vần khó do ảnh hưởng âm địa phương: lập nên, nước Âu Lạc, xâm lược, lại đổ sập xuống, lập đàn, chẳng bao lâu, Loa Thành,... . Ngắt nghỉ hơi cho đúng.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài: thành Cổ Loa, An Dương Vương, Tần, đàn, phù hộ, lẫy nỏ,...

- Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: Giải thích nguồn gốc của thành Cổ Loa, nhắc nhở chúng ta nhớ về những người có công xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Biết tác dụng của dấu ngoặc kép; biết đặt câu có hình ảnh so sánh.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Phẩm chất yêu nước qua việc tìm hiểu nội dung câu chuyện.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học ở bài đọc trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “ Xì điện”.  - Hình thức chơi: HS nối tiếp nêu tên một loại trái cây mà em biết.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Ở các bài đọc trước, các em đã được biết về nhiều địa danh đẹp, nổi tiếng ở ba miền Bắc, Trung, Nam, cảm nhận được sự giàu đẹp của đất nước Việt Nam. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về sự tích thành Cổ Loa, ở Đông Anh, Hà Nội – một địa danh gắn liền với câu chuyện về vua An Dương Vương, vị vua đã có công xây thành, giúp nhân dân ta đánh giặc, bảo vệ đất nước. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.*  **-** Mục tiêu:  + Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ ngữ chứa âm vần khó do ảnh hưởng âm địa phương: lập nên, nước Âu Lạc, xâm lược, lại đổ sập xuống, lập đàn, chẳng bao lâu, Loa Thành,... . Ngắt nghỉ hơi cho đúng.  + Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài: thành Cổ Loa, An Dương Vương, Tần, đàn, phù hộ, lẫy nỏ,...  + Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: Giải thích nguồn gốc của thành Cổ Loa, nhắc nhở chúng ta nhớ về những người có công xây dựng và bảo vệ đất nước.  **-** Cách tiến hành: | |
| **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm toàn bài.  - GV HD đọc: Giọng đọc chậm rãi, trầm hùng, phù hợp với nội dung truyền thuyết.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: (4 đoạn)  + Đoạn 1: Từ đầu đến *phương Bắc*.  + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *đến giúp*.  + Đoạn 3: Tiếp theo cho đến *vua Thủy Tề*.  + Đoạn 4: Còn lại  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - Luyện đọc từ khó: *lập nên, nước Âu Lạc, xâm lược, lại đổ sập xuống, lập đàn, chẳng bao lâu, Loa Thành.*  - Luyện đọc câu: *Bỗng có một ông già râu tóc bạc trắng hiện lên,/ nói với vua rằng:// “Sáng mai,/ nhà vua ra đón ở bờ sông,/ sẽ có Thần Kim Quy đến giúp.”//*  - GV kết hợp cho HS giải nghĩa từ  *-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV tổ chức theo kĩ thuật Mảnh ghép: mỗi nhóm chuyên trả lời 1 câu hỏi. Sau đó, ở nhóm ghép, HS sẽ thảo luận cả 4 câu hỏi.  - Một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nêu ý kiến, bổ sung.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Qua đoạn 1, em biết điều gì về vua An Dương Vương?  + Câu 2: Ban đầu, công việc xây thành của nhà vua gặp khó khăn gì?  + Câu 3: Ai đã giúp nhà vua diệt trừ yêu quái, xây Loa Thành?  + Câu 4: Thần Kim Quy làm gì và nói gì với nhà vua trước khi chia tay?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV Chốt: ***Bài viết giải thích nguồn gốc của thành Cổ Loa, nhắc nhở chúng ta nhớ về những người có công xây dựng và bảo vệ đất nước.*** | - Hs lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS ghép được các từ ngữ với lời giải từ ngữ  - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi:  + An Dương Vương là vị vua đã lập nên nước Âu Lạc. Nhà vua cũng là người chỉ huy đánh thắng quân xâm lược Tần.  + Rất nhiều lần, thành cứ đắp cao lên là lại đổ sập xuống.  + Đó là Thần Kim Quy, sứ giả của vua Thuỷ Tề.  + Thần Kim Quy rút một chiếc móng của mình đưa cho An Dương Vương và bảo: “Nhà vua giữ lấy móng này để làm lẫy nỏ. Khi có giặc thì đem ra bắn, một phát có thể giết được hàng nghìn quân giặc.”  - 1-2 HS nêu nội dung bài theo hiểu biết.  - HS đọc lại nội dung bài. |
| **3. Hoạt động luyện tập**  - Mục tiêu:  + Biết tác dụng của dấu ngoặc kép.  + Biết đặt câu có hình ảnh so sánh.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - GV mời HS đọc đề bài bài tập 1  ***1. Các dấu ngoặc kép trong bài đọc được dùng để làm gì?***  − GV gợi ý, giúp HS hiểu yêu cầu đề bài.  - GV tổ chức nhận xét, xây dựng đáp án đúng:  + Trong bài, có hai câu có dấu ngoặc kép. Các dấu ngoặc kép trong bài này đều có tác dụng bảo hiệu lời nói trực tiếp:  • Trong câu “Sáng mai, nhà vua ra đón ở bờ sông, sẽ có Thần Kim Quy đến giúp.”, dấu ngoặc kép báo hiệu lời của ông già râu tóc bạc phơ nói với An Dương Vương.  • Trong câu “Nhà vua giữ lấy móng này để làm lẫy nỏ. Khi có giặc thì đem ra bắn, một phát có thể giết được hàng nghìn quân giặc.”, dấu ngoặc kép báo hiệu lời của Thần Kim Quy nói với An Dương Vương,  - GV nhận xét tuyên dương.  ***2.* Viết lại các câu dưới đây thành câu có hình ảnh so sánh bằng cách thêm vào sau từ in đậm từ ngữ phù hợp .**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV giao nhiệm vụ làm việc nhóm 2  - GV mời HS trình bày.  - GV trình chiếu BT 2 trên bảng, một số HS trình bảy kết quả  - GV mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  − HS làm việc nhóm (mỗi nhóm 3 - 4 HS):  + Tìm các câu có dấu ngoặc kép trong bài.  + Thảo luận về tác dụng của dấu ngoặc kép.  – HS đại diện cho nhóm trình bày kết quả.  - Các nhóm nhận xét.  - HS làm lại bài vào VBT.  − 1 HS đọc BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.  – HS thảo luận nhóm đôi  a) Bỗng có một ông già râu tóc bạc trắng *như mây( như cước,* như tuyết, như bông... *)* hiện lên.  b) Vừa tan sương, có một con rùa vàng lớn *như một trái núi ( như một toà nhà, như cái nia, như cải nong...)* bơi vào bờ.  - HS nhận xét |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào tực tiễn cho học sinh.  + Cho HS quan sát video chiếu về thành Cổ Loa.  + GV cùng trao đổi với HS về cách xếp hình, nét đẹp, về tình yêu đất nước, biển đảo Việt Nam,...  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS quan sát video.  + Trả lời các câu hỏi.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**-------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT**

**GÓC SÁNG TẠO**

**ĐỐ VUI: ĐÓ LÀ CẢNH ĐẸP NÀO?**

**(TIẾT 7)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Viết được đoạn văn về một cảnh đẹp trong ảnh (tranh) hoặc được giới thiệu qua câu đố.

- Phát triển được kĩ năng nói – nghe tương tác qua hoạt động hỏi đáp về cảnh đẹp trong đoạn văn.

1.2. Phát triển năng lực văn học:

- Biết thể hiện cảm xúc khi viết, nói về cảnh đẹp đất nước.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin khi hỏi – đáp với bạn về cảnh đẹp đất nước trong ảnh (tranh), câu đố.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: yêu quê hương, đất nước; tự hào về quê hương, đất nước, - Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức nghe hát : *Quê hương tươi đẹp* để khởi động bài học.  - GV cùng trao đổi về nội dung bài hát  - GV nhận xét, khen ngợi  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe bài hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.*  **-** Mục tiêu:  + Viết được đoạn văn về một cảnh đẹp trong ảnh (tranh) hoặc được giới thiệu qua câu đố.  + Phát triển được kĩ năng nói – nghe tương tác qua hoạt động hỏi đáp về cảnh đẹp trong đoạn văn.  + Phát triển năng lực văn học: Biết thể hiện cảm xúc khi viết, nói về cảnh đẹp đất nước.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 1: TRẢ BÀI VIẾT 2: Viết về cảnh đẹp non sông**  GV trả Bài viết 2 (Bài 11): Viết đoạn văn nêu những điều em quan sát được trong bức ảnh giới thiệu một cảnh đẹp ở nước ta.  Biểu dương những câu văn, đoạn văn hay. Nêu những điều HS cần rút kinh nghiệm,  - GV nhận xét, bổ sung. | - GV nghe HS nhận xét, sửa sai  - Các nhóm khác nhận xét, trao đổi thêm |
| **3. Luyện tập***.*  **-** Mục tiêu:  + Viết được đoạn văn kể về cảnh đẹp đã chọn. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.  + Biết sử dụng dấu câu phù hợp.  **-** Cách tiến hành: | |
| **3.1. Chuẩn bị câu hỏi và viết đoạn văn (BT 1, BT 2)**  ***3.1.1. Chuẩn bị câu hỏi (BT I)***  GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS.  - Chuẩn bị câu hỏi bí mật bằng một trong ba cách:  a) Chép lại một câu đố đã học ở Bài 11.  b) Chọn sẵn một hình ảnh ở Bài 11  c) Mang đến lớp ảnh (hoặc tranh) một cảnh đẹp nổi tiếng ở địa phương.  - Viết câu đố vào giấy hoặc phô tô tranh, ảnh; gấp tranh, ảnh / giấy ghi câu đố lại để các bạn bắt thăm. Nếu không có điều kiện phô tô tranh ảnh, HS có thể giữ bí mật tranh, ảnh đó để đố các bạn khi đến lượt mình được ra câu hỏi.  ***3.1.2. Viết đoạn văn (BT 2)***  – GV nêu yêu cầu: Mỗi HS viết một đoạn văn về cảnh đẹp đã chọn (trong tranh, ảnh hoặc câu đố đã chuẩn bị).  - GV mời HS viết vào vở ôli.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.  **3.2: Chơi đố vui (Hỏi đáp – BT 3)**  – GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đố vui theo từng cặp: người hỏi, người đáp.  – Cách chơi: Người hỏi đưa câu đố hoặc tranh ảnh để người đáp đoán tên cảnh đẹp. Sau khi nghe bạn trả lời, người hỏi nhận xét về câu trả lời của bạn. Tiếp đó, người hỏi đọc đoạn văn để người trả lời và cả lớp hiểu thêm về cảnh đẹp được giới thiệu trong tranh, ảnh hoặc câu đố.  – Đổi vai sau mỗi lần đố.  – GV khen ngợi những sản phẩm sáng tạo (tranh ảnh đẹp, đoạn văn hay), những lời giải nhanh, chính xác,  - GV nhắc HS có thể mang sản phẩm về nhà giới thiệu với người thân trước khi treo ở vị trí trang trọng trong lớp học suốt tuần.  − GV khen ngợi, biểu dương HS. | - HS báo cáo những việc mình đã chuẩn bị (Lưu ý: Không “lộ bí mật” về nội dung câu đố, bức tranh mình chuẩn bị...);  − HS viết đoạn văn vào giấy, gấp giấy / che đoạn văn để giữ bí mật.  - HS viết vào vở  - 2-3 HS đọc bài viết  - HS nhận xét  - HS nghe HD luật chơi  - HS chơi  - GV giúp đỡ  - 2- 3 Hs đọc bài viết trước lớp. |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV mở cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn  - GV cho HS tham gia trò chơi đố vui về cảnh đẹp đất nước, GV nêu tên cảnh đẹp, HS trả lời cảnh đẹp đó ở đâu.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ................................................................................................................................  ................................................................................................................................  ................................................................................................................................  ................................................................................................................................ | |

**-------------------------------------------**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

- HS viết tiếp nội dung phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện bảng Tự đánh giá trong VBT; đánh dấu v cho những việc mình đã biết hoặc đã làm được.